

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 22 tháng 04 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				0
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		20,000	449	8,980,000
	Được chi trong ngày				8,980,000
	Đã chi trong ngày				8,980,000
	2. Kho				986,900
	Ăn chính				986,900
1	Đường kính	Kg	30,000	1.9	57,000
2	Dầu ăn Simply 1L	Lít	61,000	0.3	18,300
3	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	64,000	1	64,000
4	Gạo tẻ thơm	Kg	21,000	34.1	716,100
5	Nước mắm cốt cá cơm	Lít	40,000	1	40,000
6	Mì chính ajinomoto	Kg	75,000	0.9	67,500
7	Bột canh vifon	Kg	24,000	1	24,000
	3. Đi chợ				7,993,100
	Ăn chính				7,993,100
1	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	22,000	25	550,000
2	Cà chua	Kg	20,000	5	100,000
3	Rau mùi tàu	Kg	30,000	0.2	6,000
4	Cam	Kg	42,000	3	126,000
5	Thịt bò loại I	Kg	295,000	7.5	2,212,500
6	Trứng vịt	Kg	65,000	32.2	2,093,000
7	Thịt lợn sườn vai	Kg	132,000	3	396,000
8	Hành khô	Kg	50,000	0.21	10,500
9	Mì gạo	Kg	32,000	8.6	275,200
10	Hành lá	Kg	30,000	0.29	8,700
11	Xương đuôi	Kg	102,000	8	816,000
12	Thịt lợn mông sườn	Kg	132,000	10.6	1,399,200
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				23,874,700
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				106,125,300
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			6,500	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				130,000,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				130,000,000
	Chênh lệch cuối ngày				0

Kế toán


Lương Thị Linh

Phó hiệu trưởng


Nguyễn Thị Huyền Trang